

Bản án số: 436 /2022/DS-PT

Ngày: 08/11/2022

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy

Ông Trương Chí Anh

- Thư ký phiên tòa:

Bà Đinh Thị Thu Hương, Thẩm tra viên
Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:

Bà Cao Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 325/2022/TLPT-DS ngày 06/10/2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/TLST-DS ngày 20/7/2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" của Tòa án nhân dân huyện SS4, thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 398/2022/QĐ-PT ngày 10/10/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông NVT1, sinh năm 1958; *Có mặt.*

Địa chỉ: Thôn XD2, xã TM3, huyện SS4, thành phố Hà Nội

Bị đơn: Anh NVT5, sinh năm 1976; *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Thôn XD2, xã TM3, huyện SS4, thành phố Hà Nội

Do có kháng cáo của ông NVT1 là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm vụ án có nội dung như sau:

Tại Đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Ngày 26/6/2010 (âm lịch), ông có bán cho anh NVT5 01 chiếc xe máy với giá 2.800.000đ. Anh T5 có viết Giấy mua xe và hẹn đến ngày 26/8/2010 sẽ thanh toán hết tiền cho ông. Tuy nhiên sau đó anh T5 đã không trả tiền cho ông. Ông và anh T5 có thỏa thuận "Nếu không trả được thì trả lãi theo quy định của pháp luật". Ông đã làm đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân huyện SS4 ngày 23/8/2012. Nay

ông đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh T5 phải trả ông 2.800.000đ tiền gốc và 6.720.000đ tiền lãi và 100.800.000đ tiền lãi trên nợ gốc quá hạn, trừ đi 200.000đ tiền lãi mà anh Thuỷ đã trả ông.

Bị đơn anh NVT5 vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh có lời khai:

Khoảng năm 2010, anh có mua 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Best của ông NVT1, biển số bao nhiêu anh không nhớ, anh mua với giá 2.800.000đ. Thời gian sau anh đã thanh toán cho ông T1 2.400.000đ và còn nợ 400.000đ. Anh không nhớ thời gian thanh toán tiền vì không có giấy tờ gì. Đối với giấy mua xe mà ông T1 nộp cho Tòa án đúng là chữ viết và chữ ký của anh. Chiếc xe máy này anh đã bán và không còn lưu giữ giấy tờ gì về xe. Nay ông T1 đòi anh phải trả 2.800.000đ tiền gốc và 6.720.000đ tiền lãi và 100.800.000đ tiền lãi trên nợ gốc quá hạn, trừ đi 200.000đ tiền lãi, anh không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T1, anh chỉ đồng ý trả nốt ông T1 số tiền là 400.000đ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/DS-ST ngày 20/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện SS4, Hà Nội đã quyết định:

- 1- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông NVT1 với anh NVT5.
- 2- Buộc anh NVT5 phải trả ông NVT1 số tiền mua xe 2.800.000đ theo giấy mua xe ngày 26/6/2010(âm lịch) và 2.945.000đ tiền lãi xuất cơ bản tính đến hết ngày 20/7/2022.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi 6.720.000đ tiền lãi và 100.800.000đ tiền lãi trên nợ gốc quá hạn của ông NVT1 với anh NVT5.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không nhất trí với quyết định của bản án sơ thẩm, ông NVT1 nguyên đơn trong vụ án kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm buộc anh T5 phải trả số tiền là 9.787.000đ và số tiền lãi đến ngày xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không xuất trình thêm chứng cứ mới và không thỏa thuận được với nhau để giải quyết vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và các đương sự tuân thủ đầy đủ các quy định của BLTTDS.

Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ kiện, đại diện VKS nhân dân thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 BLTTDS giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/DS-ST ngày 20/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện SS4, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ

vào kết quả tranh tụng tại phiên toà; sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ kiện, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của bị đơn ông NVT1 nộp trong hạn luật định, thuộc trường hợp miễn nộp dự phí kháng cáo nên về hình thức là hợp lệ.

Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Văn Tiến có mặt và bị đơn anh NVT5 vắng mặt;

Xét thấy: Bị đơn anh NVT5 Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt lần thứ hai. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông NVT1.

Hội đồng xét xử xét thấy:

Ngày 26/6/2010 ông T1 có bán cho anh T5 01 xe máy với giá tiền là 2.800.000đ và thỏa thuận thời gian thanh toán tiền đến hết ngày 26/8/2010 (âm lịch) tức ngày 3/10/2010. Do đó đây là tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, nên cần áp dụng các Điều khoản của Bộ luật dân sự quy định về hợp đồng mua bán tài sản tại thời điểm thực hiện hợp đồng để xem xét.

Ông T1 khẳng định anh T5 chưa trả số tiền này, anh Thủy xác nhận có mua xe máy của ông T1 với giá tiền là 2.800.000đ và chữ ký, chữ viết trong Giấy mua xe là của anh. Anh khẳng định đã thanh toán cho ông T1 2.400.000đ, tuy nhiên anh không xuất trình được tài liệu nào chứng minh cho lời khai của mình. Kể từ sau ngày 3/10/2010, khi anh T5 vi phạm nghĩa vụ thanh toán thì quyền và lợi ích hợp pháp của ông T1 bị xâm phạm. Tại khoản 2 Điều 305, 438 Bộ luật dân sự năm 2005 có quy định về nghĩa vụ thanh toán của bên mua và nghĩa vụ chịu lãi suất cơ bản theo quy định của Ngân hàng nhà nước đối với bên vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Theo quy định tại Điều 6 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì nghĩa vụ cung cấp chứng cứ và chứng minh bảo vệ quyền lợi cho mình là của đương sự. Trong vụ án này khi ông T1 bán xe cho anh T5, anh T5 đã trực tiếp viết giấy mua xe và ông T1 đang lưu giữ bản gốc. Anh T5 cho rằng đã thanh toán cho ông T1 số tiền 2.400.000đ nhưng anh không xuất trình được chứng cứ gì chứng minh việc đã thanh toán số tiền này cho ông T1. Trong khi đó, ông T1 xuất trình được giấy mua xe ngày 26/6/2010. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận lời khai của anh T5. Trong đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, ông T1 có yêu cầu được đòi anh T5 2.800.000đ tiền gốc và 6.720.000đ tiền lãi và 100.800.000đ tiền lãi trên nợ gốc quá hạn, trừ đi 200.000đ tiền lãi mà anh Thủy đã trả ông.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tính đến hết ngày 26/8/2010 (âm lịch) và là ngày 3/10/2010 mà anh T5 chưa thanh toán hết tiền cho ông T1 thì quyền và lợi ích hợp pháp của ông T1 đã bị xâm phạm. Đến ngày 23/8/2012 ông T1 làm đơn khởi kiện anh T5. Căn cứ vào Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2005 và Điều 427 Bộ luật dân sự năm 2005 thì thời hiệu khởi kiện của ông T1 vẫn còn. Ông T1 có khai

về việc hai bên thỏa thuận chịu lãi suất, nhưng ông không xuất trình được tài liệu chứng minh, nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu tính lãi của ông T1 mà cần phải áp dụng trách nhiệm dân sự do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Cấp sơ thẩm đã chấp nhận mức lãi suất cơ bản theo Quyết định 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định mức lãi suất cơ bản là 9%/năm kể từ khi anh T5 vi phạm nghĩa vụ thanh toán là đúng quy định của pháp luật phù hợp với khoản 2 Điều 305, Điều 438 Bộ luật dân sự năm 2005.

Kể từ ngày 04/10/2010 đến ngày 20/7/2022 là 11 năm 9 tháng 16 ngày x 9%/năm x 2.800.000đ = 3.145.000đ, trừ đi số tiền 200.000đ mà anh T5 đã trả ông T1, còn 2.945.000đ. Đây là số tiền lãi cơ bản kể từ khi hết thời hạn các bên thỏa thuận trong Giấy mua xe cho đến khi xét xử. Các yêu cầu về lãi suất nợ quá hạn và 6.720.000đ tiền lãi và 100.800.000đ tiền lãi trên nợ gốc quá hạn, trừ đi 200.000đ tiền lãi mà anh Thuỷ đã trả ông không có căn cứ chấp nhận

Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông T1 buộc anh NVT5 phải trả cho ông NVT1 số tiền nợ gốc là 2.800.000đ và 2.945.000đ tiền lãi là phù hợp với pháp luật.

Trường hợp anh T5 chậm thực hiện nghĩa vụ với ông T1 thì anh T5 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của BLDS 2015.

Từ những căn cứ trên không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của ông NVT1, cần giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện SS4, thành phố Hà Nội.

[3] Về án phí: Ông NVT1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu không được chấp nhận và án phí phúc thẩm.

Anh NVT5 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với khoản tiền phải thanh toán cho ông T1.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 26, 38, 147, 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 305, 438 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14;

Tuyên xử:

1- Không chấp nhận kháng cáo của ông NVT1.

2- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 28/2022/DS-ST ngày 20/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện SS4, thành phố Hà Nội, cụ thể như sau:

2.1- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông NVT1 đối với anh NVT5.

2.2- Buộc anh NVT5 phải trả ông NVT1 số tiền mua xe 2.800.000đ theo giấy mua xe ngày 26/6/2010 (âm lịch) và 2.945.000đ tiền lãi suất cơ bản tính đến hết ngày 20/7/2022.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi 6.720.000đ tiền lãi và 100.800.000đ tiền lãi trên nợ gốc quá hạn của ông NVT1 với anh NVT5.

3- Về án phí:

Anh NVT5 phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông NVT1 thuộc trường hợp miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND huyện SS4;
- Chi cục THADS huyện SS4;
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lan Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ